TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HS-ST
Ngày: 08-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;

2. Bà Lưu Thị Thanh Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Hồ Thị Hoàng Sa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1057/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trương Thị T; sinh ngày 09/6/1965 tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nội trợ; số căn cước công dân: 049165015462, nơi cấp Cục C – Bộ C1; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); chồng Phan Tấn T1, sinh năm 1960; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2026 đến ngày 29/6/2026 thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. *Có mặt.*

2. Phan Thị Hà T2, sinh ngày 15/10/1968 tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: buôn bán; số căn cước công

dân: 049168005378, nơi cấp Cục C – Bộ C1; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1 (đã chết); chồng Lê Thanh N2, sinh năm 1967; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". *Có mặt.*

3. Trần Thị N3, sinh ngày 08/10/1964; tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: buôn bán; số căn cước công dân: 049164013294, nơi cấp Cục C – Bộ C1; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5 (đã chết); chồng Nguyễn T6 (đã chết); bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". *Có mặt.*

4. Phan Công V, sinh ngày 02/3/1976; tại xã T, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: thợ đá; số căn cước công dân: 049076017136, nơi cấp Cục C – Bộ C1; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Công M (đã chết) và bà Thủy Thị T7 (đã chết); vợ Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1983; bị cáo có hai người con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 26/10/1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam cũ xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 185/ST-HS, đã chấp hành xong. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Trần Thị Phương H, sinh năm 1980. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Lê Thị L1, sinh năm 1970. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1970. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn D, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Hồ Thị S, sinh năm 1963. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Phan Thạch L2, sinh năm 1997. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Nguyễn Ngọc N4, sinh năm 1968. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1985. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Trần Ngọc N5, sinh năm 1982. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố Đà Nẵng.

+ Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1979. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn D, xã T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng giữa tháng 10 năm 2025, bị cáo T bắt đầu nhận bán lô đề tại nhà. Sau khi bán lô đề trực tiếp hoặc qua điện thoại cho những người có nhu cầu, bị cáo T tập hợp các lô đề đã bán và sử dụng điện thoại Nokia 3210 gắn sim số 0792.118.402 nhắn tin đến số điện thoại 0794.450.724 (của chị H), để chuyển toàn bộ số lô đề đã bán được cho H nhằm hưởng hoa hồng. Bị cáo T nhận được 08% trên tổng số tiền lô đề bán được đối với đài xổ số kiến thiết các tỉnh miền T – gọi tắt là đài miền T và 05% trên tổng số tiền lô đề bán được đối với đài xổ số kiến thiết các tỉnh miền B – gọi tắt là đài miền B. Sau đó, bị cáo T chia lại cho những người đã mua lô đề của mình 04% trên tổng số tiền lô đề bán được đối với đài miền T và 2,5% trên tổng số tiền lô đề bán được đối với đài miền B. Quá trình mua bán lô đề, bị cáo T thanh toán tiền thắng thua trực tiếp bằng tiền mặt với người chơi (tại nhà mình) và H (tại nhà của H). Sau khi tính xong tiền thắng thua, mỗi ngày, bị cáo T và những người mua lô đề đều hủy hết các giấy tờ hoặc xóa hết tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến việc mua bán lô đề.

* Hình thức đánh bạc cá cược số lô đề như sau: dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Miền Trung (quay số mở thưởng lúc 17 giờ 15 phút hằng ngày) và đài miền B (quay số mở thưởng lúc 18 giờ 15 phút hằng ngày) để nhận cá cược và xác định thắng thua của người mua lô đề. Cách thức đánh, tỷ lệ thắng như sau: Đánh độc đắc, đặc biệt (đánh 03 số cuối của giải đặc biệt, số từ 000 đến 999): tỷ lệ 01 tháng 650 ở tất cả các đài; đánh bao lô 02 số (đánh 02 con số cuối của các giải, số từ 00 đến 99): tỷ lệ 01 thắng 05 đài miền T, 01 thắng 3,5 đài miền B; đánh bao lô

03 số (đánh 03 con số cuối của các giải, số từ 000 đến 999): tỷ lệ 01 thắng 45 đài miền T, 01 thắng 30 đài miền B; đánh đầu (đánh 01 số từ 00 đến 99 của giải T8 đài miền T hoặc giải Bảy đài miền B): tỷ lệ 01 thắng 90 đài miền T, 01 thắng 22,5 đài miền B; đánh đuôi (đánh 02 số cuối của giải đặc biệt, số từ 00 đến 99): tỷ lệ 01 thắng 90 ở tất cả các đài; đánh xiên 02 (đánh 01 cặp số có 02 chữ số từ 00 đến 99) chỉ có ở đài miền B: tỷ lệ 01 thắng 13; đánh xiên 03 chỉ có ở đài miền B (đánh 03 số có 02 chữ số từ 00 đến 99): tỷ lệ 01 thắng 50.

Với cách thức như trên, từ ngày 15/11/2025 đến ngày 26/11/2025, bị cáo T đã bán số lô đề cho nhiều người, cụ thể như sau:

- Ngày 15/11/2025: bị cáo T2 mua trực tiếp bị cáo T 03 lô số 95 đài miền B (đài H) số tiền 500.000 đồng. Kết quả trúng 02 lô 95 với số tiền 3.500.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc giữa bị cáo T và bị cáo T2 là 4.000.000 đồng (đã giao dịch tiền thắng thua, mỗi người nhận được 12.500 đồng tiền hoa hồng). Bị cáo T2 nhận được số tiền 3.500.000 đồng.

- Ngày 20/11/2025: bị cáo N3 bán bao lô số 17 số tiền 2.000.000 đồng và bao lô số 07 số tiền 1.000.000 đồng ở đài miền B (đài Hà Nội) trực tiếp cho một người đàn ông (không rõ lai lịch). Sau đó, bị cáo N3 gọi đến số 0792.118.402 của bị cáo T để chuyển các lô đề này nhằm hưởng tiền hoa hồng. Kết quả, trúng 01 lô 07 với số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền đánh bạc giữa hai bị cáo T và N3 là 6.500.000 đồng (mỗi người nhận được 75.000 đồng tiền hoa hồng). Bị cáo N3 nhận được số tiền 500.000 đồng.

Ngoài ra trong ngày này, bị cáo T còn bán trực tiếp lô đề đài miền B cho Phan Thạch L2 số tiền là 100.000 đồng, kết quả không trúng (chưa giao dịch tiền thắng thua, bị cáo T nhận được 5.000 đồng tiền hoa hồng).

Ngày 25/11/2025, bị cáo T bán lô đề đài miền T cho Lê Thị L1 qua điện thoại 0908.490.817 với số tiền đánh bạc là 150.000 đồng ở đài miền T (chưa giao dịch tiền thắng thua, bị cáo T nhận được 12.000 đồng tiền hoa hồng).

Ngày 26/11/2025, bị cáo T bán lô đề thông qua việc liên lạc bằng số điện thoại 0792.118.402 cho những người gồm: Trần Thị N3 với số tiền 600.000 đồng (không nhớ đánh số nào với bao nhiêu tiền); Hồ Thị S với số tiền 700.000 đồng; người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0905.973.282 (bị cáo T chỉ nhớ tên P1, không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 80.000 đồng và gặp mặt bán trực tiếp cho một số người khác (không nhớ là người nào và mua số nào với bao nhiêu tiền), qua tài khoản M2 tên "Quảng Thảo" của chị Nguyễn Thị Thu P nhắn vào tài khoản "Trương Thủy" của bị cáo với số tiền 600.000 đồng (không nhớ đánh số nào); Tổng số tiền lô đề mà bị cáo T bán được và chuyển cho Trần Thị Phương H trong

ngày 26/11/2025 là 8.769.800 đồng, trong đó đài miền B (đài Bắc Ninh) là 4.911.000 đồng; đài miền T (đài Đ và đài K) số tiền 3.858.800 đồng, kết quả đều không trúng. Trong ngày này, bị cáo T và H chưa giao dịch tiền; bị cáo T và những người mua lô đề của bị cáo T chưa nhận được tiền hoa hồng.

Như vậy, từ ngày 15/11/2025 đến ngày 26/11/2025, bị cáo T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán lô đề với tổng số tiền đánh bạc là 19.519.800 đồng trong đó xác định ngày 20/11/2025, bị cáo T bán lô đề đài miền T9 cho N3 với số tiền đánh bạc 6.500.000 đồng. Quá trình mua bán lô đề, bị cáo T thu lợi bất chính số tiền 4.073.500 đồng (trong đó, tiền thắng bạc 3.969.000, tiền hoa hồng 104.500 đồng), đã tiêu xài cá nhân hết.

*** Đối với bị can Phan Thị Hà T2, Phan Công V**

Ngày 15/11/2025, bị cáo T2 còn bán bao lô số 95 đài miền T số tiền 1.500.000 đồng, bao lô số 95 đài miền B số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo V qua số điện thoại 0936.940.707, kết quả đài miền T không trúng, đài miền B trúng 02 lô 95 số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Số tiền dùng để đánh bạc giữa bị cáo T2 với bị cáo V là 9.500.000 đồng, trong đó số tiền đánh bạc ở đài miền B là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Bị cáo V được nhận số tiền 7.000.000 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 25/10/2025 đến ngày 26/11/2025, bị cáo T2 còn 07 lần bán số đề cho Nguyễn Ngọc N4 với tổng số tiền là 740.000 đồng, trong đó lần thấp nhất là 80.000 đồng và cao nhất là 120.000 đồng, kết quả N4 thua.

Như vậy, từ ngày 25/10/2025 đến ngày 26/11/2025, bị cáo T2 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán lô đề với tổng số tiền đánh bạc là 14.240.000 đồng; trong đó xác định ngày 15/11/2025, bị cáo T2 bán lô đề đài miền B cho bị cáo V với số tiền đánh bạc 8.000.000 đồng. Quá trình mua bán lô đề, bị cáo V được nhận 7.000.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, truy tố các bị can Trương Thị T, Phan Thị Hà T2, Trần Thị N3 và Phan Công V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu và dữ liệu điện tử mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 04 điện thoại của bị cáo Trương Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3210 màu đen gắn sim số 0792.118.402; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax gắn sim số 0898.130.569; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0905.583.118; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen gắn sim số 0995.639.058; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax gắn sim số 0327.878.788 và 0702.378.592 của anh Phan Thạch L2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0763.556.754 và 0795.728.887 của bị cáo Trần Thị N3; 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone 12 Promax màu xanh gắn sim số 0704.566.311 của chị Nguyễn Thị Thu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A21S màu xanh đen gắn sim số 0908.490.817 của chị Lê Thị L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen gắn sim số 0775.585.622 và 0835.015.141 của chị Hồ Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 gắn sim số 0936.940.707 của bị cáo Phan Thị Hà T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax gắn sim số 0906.531.634 của bị cáo Phan Công V.

Tại Cáo trạng số 69/CT-VKSDNG-KV ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trương Thị T, Phan Thị Hà T2, Trần Thị N3 và Phan Công V cùng phạm tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Thị T, Phan Thị Hà T2, Trần Thị N3 và Phan Công V cùng phạm tội *"Đánh bạc"* .

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Trương Thị T số tiền từ 30 đến 40 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Phan Thị Hà T2 số tiền số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Trần Thị N3 số tiền số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Phan Công V số tiền số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo T số tiền 4.073.500 đồng; bị cáo V số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo T2 số tiền 3.512.500 đồng, bị cáo N3 2.175.000 đồng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Trương Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3210 màu đen do thường dùng để mua bán lô đề và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax dùng nhắn tin qua Messeger với chị P

để mua bán lô đề; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần Thị N3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của chị Nguyễn Thị Thu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A21S màu xanh đen của chị Lê Thị L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen của chị Hồ Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 của bị cáo Phan Thị Hà T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax của bị cáo Phan Công V.

- Tịch thu tiêu hủy: sim số 0792.118.402, sim số 0327.878.788, sim số 0795.728.887, sim số 0704.566.311, sim số 0908.490.817; sim số 0775.585.622, sim số 0936.940.707, sim số 0906.531.634.

- Trả lại cho bị cáo T sim số 0898.130.569, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0905.583.118, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen gắn sim số 0995.639.058. Trả lại cho anh Phan Thạch L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax gắn sim số 0702.378.592; trả cho bị cáo N3 sim số 0763.556.754; trả cho chị S sim số 0835.015.141.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, Điều 293 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2025, các bị cáo T, T2, N3 và V đã lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh miền T, miền B để đánh bạc dưới hình thức cá cược số lô đề thắng thua bằng tiền. Trong đó, bị cáo T đánh bạc với tổng số tiền là là 19.519.800 đồng; xác định ngày 20/11/2025, bị cáo T và bị cáo N3 mua bán lô đề đài miền T với số tiền đánh bạc là 6.500.000 đồng. Bị cáo T2 đánh bạc với tổng số tiền là 14.240.000 đồng, xác định ngày 15/11/2025, bị cáo T2 và bị cáo V mua bán lô đề đài miền B với số tiền đánh bạc là 8.000.000 đồng. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo T, T2, N3 và V đã phạm vào tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 69/CT-VKSDNG-KV ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: đánh bạc là một tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi gia đình và gây mất ổn định trật tự xã hội. Do vậy, mọi hành vi đánh bạc đều phải được ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Các bị cáo T, N3, T2 có nhân thân tốt. Các bị cáo không tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo T, N3, T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo V, năm 1993, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi, thuộc trường hợp được coi là phạm tội lần đầu theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025. Do đó, các bị cáo được áp dụng

điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Hai bị cáo T, V tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính thuộc quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Cha mẹ của bị cáo T được tặng Bằng gia đình có công chống Mỹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhưng phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: căn cứ vào khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, bị cáo T có thể bị xử phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo T đã quá tuổi lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập và công việc ổn định có xác nhận của địa phương nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về biên pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo T số tiền 4.073.500 đồng; bị cáo V số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo T2 số tiền 3.512.500 đồng, bị cáo N3 2.175.000 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Trương Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3210 màu đen do thường dùng để mua bán lô đề và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax dùng nhắn tin qua Messeger với chị P để mua bán lô đề; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần Thị N3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của chị Nguyễn Thị Thu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A21S màu xanh đen của chị Lê Thị L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen của chị Hồ Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 của bị cáo Phan Thị Hà T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax của bị cáo Phan Công V.

- Tịch thu tiêu hủy: sim số 0792.118.402, sim số 0327.878.788, sim số 0795.728.887, sim số 0704.566.311, sim số 0908.490.817; sim số 0775.585.622, sim số 0936.940.707, sim số 0906.531.634.

- Trả lại cho bị cáo T sim số 0898.130.569, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0905.583.118, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen gắn sim số 0995.639.058. Trả lại cho anh Phan Thạch L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax gắn sim số 0702.378.592; trả cho bị cáo N3 sim số 0763.556.754; trả cho chị S sim số 0835.015.141.

[9]. Những vấn đề khác trong vụ án:

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận sau khi bán lô đề cho những người có nhu cầu, bị cáo T đều dùng điện thoại Nokia gắn sim số 0792.118.402 để nhắn tin tổng hợp các lô đề này đến số điện thoại 0794.450.724 của chị H nhằm hưởng tiền hoa hồng trên tổng số tiền lô đề đã chuyển cho bà H. Qua làm việc Trần Thị Phương H không thừa nhận sử dụng số điện thoại 0794450724 và không thực hiện hành vi mua bán lô đề với T. Ngoài lời khai của bị cáo T, bà Nguyễn Thị M1, ông Trần Ngọc N5 (là bạn bè của bà H) và ông Võ Văn Đ, là bạn bè của bà H đều xác nhận số điện thoại 0794.450.724 là của chị H. Kết quả tra cứu dữ liệu số điện thoại 0794.450.724 thể hiện có sự liên lạc với số điện thoại 0792.118.402 do bị cáo T sử dụng. Việc liên lạc được thực hiện bắt đầu từ ngày 16/10/2025 và kéo dài liên tục đến ngày 26/11/2025. Hoạt động liên lạc giữa hai số điện thoại này diễn ra tập trung chủ yếu vào khung giờ từ khoảng 16 giờ đến 18 giờ 30 phút hằng ngày. Ngoài ra, số điện thoại 0794.450.724 còn phát sinh liên lạc với ông Võ Trắc Thành N6 (là chồng của bà H) trong khoảng thời gian trên. Đồng thời, căn cứ vào dữ liệu vị trí cột sóng nhận tín hiệu của số điện thoại 0794.450.724 và các tài liệu, chứng cứ trên có đủ cơ sở để khẳng định chị H chính là người đã sử dụng số điện thoại 0794.450.724. Tuy nhiên số tiền đánh bạc trong ngày 26/11/2025 đối với đài miền B là 4.911.000 đồng, đài miền T là 3.858.800 đồng chưa đến mức để xử lý hình sự. Ngày 15/11/2025 và 20/11/2025 ngoài lời khai của bị cáo T, chị H không thừa nhận nên Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính đối với chị H là phù hợp.

Đối với chị Lê Thị L1, chị Hồ Thị S, chị Nguyễn Thị Thu P, anh Phan Thạch L2 là những người đã có hành vi mua số đề của bị cáo Trương Thị T với số tiền dùng để đánh bạc mỗi lần đều dưới 5.000.000 đồng. Đối với ông Nguyễn Ngọc N4 là người đã có hành vi mua số đề của bị cáo Phan Thị Hà T2 với số tiền dùng để đánh bạc mỗi lần đều dưới 5.000.000 đồng, kết quả xác minh nhân thân của chị L1, chị S, chị P, anh L2 và ông N4 chưa có tiền án, tiền sự về tội tổ chức đánh bạc, đánh bạc và gá bạc nên Cơ quan điều tra đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng quy định. Công an xã T cũng đã có Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép và truy thu số tiền đánh bạc của chị P, chị L1, anh L2 và chị S.

Đối với người đàn ông mua số đề của bị cáo N3 vào ngày 20/11/2025 và người phụ nữ tên P1 sử dụng số điện thoại 0905.973.292 mua số đề của bị cáo T vào ngày 26/11/2025, do bị cáo N3 và T không xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên không có cơ sở để xác minh, điều tra xử lý.

[10]. Về án phí: các bị cáo T, N3 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo T2, V phải

chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Trương Thị T, Phan Thị Hà T2, Trần Thị N3 và Phan Công V phạm tội *"Đánh bạc"*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Trương Thị T 06 tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam là 02 tháng 25 ngày (từ ngày 06/4/2026 đến ngày 29/6/2026). Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại là 03 tháng 05 ngày, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Phan Thị Hà T2 số tiền 50.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Trần Thị N3 số tiền 40.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt bị cáo Phan Công V số tiền 30.000.000 đồng.

2. Về biện pháp tư pháp xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo T số tiền 4.073.500 đồng, được trừ vào số tiền 6.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu tiền số 0000644 ngày 11/8/2026, trả lại cho bị cáo T số tiền 1.926.500 *(Một triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm)* đồng; Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo V số tiền 7.000.000 đồng, được trừ vào số tiền 4.500.000 đồng bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo theo biên lai thu tiền số

0000800 ngày 20/8/2026, bị cáo V còn tiếp tục nộp số tiền 2.500.000 *(Hai triệu năm trăm nghìn)* đồng; Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo T2 số tiền 3.512.500 *(Ba triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm)* đồng, Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo N3 2.175.000 *(Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Trương Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3210 màu đen do thường dùng để mua bán lô đề và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax dùng nhắn tin qua Messeger với chị P để mua bán lô đề; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần Thị N3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của chị Nguyễn Thị Thu P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A21S màu xanh đen của chị Lê Thị L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen của chị Hồ Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 của bị cáo Phan Thị Hà T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax của bị cáo Phan Công V.

- Tịch thu tiêu hủy: sim số 0792.118.402, sim số 0327.878.788, sim số 0795.728.887, sim số 0704.566.311, sim số 0908.490.817; sim số 0775.585.622, sim số 0936.940.707, sim số 0906.531.634.

- Trả lại cho bị cáo T sim số 0898.130.569, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0905.583.118, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen gắn sim số 0995.639.058. Trả lại cho anh Phan Thạch L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax gắn sim số 0702.378.592; trả cho bị cáo N3 sim số 0763.556.754; trả cho chị S sim số 0835.015.141.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại cơ quan điều tra công an thành phố Đ. Riêng số tiền bị cáo T nộp 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000644 ngày 11/8/2026 và số tiền bị cáo V nộp 4.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000800 ngày 20/8/2026 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo T, N3 được miễn án phí hình sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí; các bị cáo Phan Thị Hà T2 và Phan Công V, mỗi người phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08-9-2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT về hình sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng PV06 Công an TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Loan